

KẾ TOÁN THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ VÀ KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH CÁC TRANH LUẬN VÀ LIÊN HỆ THỰC TẾ Ở VIỆT NAM

Phạm Đức Hiếu *

Khủng hoảng tài chính gần đây đã dẫn đến những tranh luận trái chiều về ủng hộ và phản đối kế toán theo giá trị hợp lý (fair - value accounting). Các tranh luận tập trung vào tương lai của việc áp dụng phương pháp kế toán này đồng thời đặt các nhà soạn thảo chuẩn mực kế toán trước thử thách về việc mở rộng phạm vi áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý. Khủng hoảng tài chính cũng là thử thách đầu tiên và lớn nhất cho kế toán theo giá trị hợp lý, và chính khủng hoảng cũng sẽ đặt tiền đề cho các nghiên cứu thực nghiệm về kế toán theo giá trị hợp lý trong những năm tới. Điều đó cho phép giới nghiên cứu và các nhà thực hành kế toán đánh giá tốt hơn những mặt được và chưa được của kế toán theo giá trị hợp lý. Bài viết trình bày một cách khái quát về kế toán theo giá trị hợp lý và một số kết luận ban đầu cho việc vận dụng phương pháp kế toán này trong trình bày báo cáo tài chính. Từ đó đã đưa ra khuyến nghị về sự cần thiết phối hợp giữa các cơ quan chức năng như Bộ Tài Chính, Hội kế toán (VAA) và Hội kiểm toán viên hành nghề (VACPA) để sớm ban hành một chuẩn mực kế toán Việt nam về công cụ tài chính cũng như cần có những quy định cụ thể hơn nữa cho việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý nhằm tránh những bất đồng giữa doanh nghiệp với kiểm toán độc lập như trong thời gian qua đồng thời đảm bảo sự hòa hợp của chuẩn mực kế toán Việt nam với chuẩn mực của quốc tế.

1. Kế toán theo giá trị hợp lý

Định nghĩa và đặc trưng

Kế toán theo giá trị hợp lý là cách thức đo lường giá trị tài sản và công nợ phục vụ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính. Theo Chuẩn mực quốc tế về trình bày báo cáo tài chính (IFRS) và Chuẩn mực kế toán Mỹ (US GAAP), giá trị hợp lý được định nghĩa một cách rộng rãi như: giá trị một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được tất toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, tự nguyện trong các giao dịch và trên cơ sở ngang giá (IFRS 7; IAS 39 và FAS 157).

Theo kế toán trên cơ sở giá trị hợp lý, tài sản và các khoản nợ được phân loại theo mức độ thanh khoản, với 3 cấp độ khác nhau. Ở cấp độ 1, đối với các tài sản hoặc các khoản nợ có tính thanh khoản cao, giá thị trường chính là cơ sở để xác định giá trị hợp lý một cách trực tiếp (mark-to-market). Khi đó kế toán sử dụng giả thuyết giá thị trường là cơ sở hiện thực nhất cho đo lường giá trị hợp lý vì nó có thể nhận biết, quan sát một cách trực tiếp bởi các thành viên thị trường và là cơ sở tốt nhất ước tính số tiền doanh nghiệp có thể nhận

được khi quyết định chuyển nhượng tài sản. Tuy nhiên, không phải lúc nào các loại tài sản hoặc các khoản nợ cũng hội tụ đủ những đặc điểm này nên các chuẩn mực kế toán cho phép có thể xác định giá trị hợp lý ở cấp độ 2 và 3. Ở cấp độ 2, đối với các tài sản hoặc khoản nợ không có giao dịch trên thị trường, doanh nghiệp được phép định giá tài sản hoặc các khoản nợ của mình bằng các yếu tố đầu vào của thị trường có thể quan sát được. Các yếu tố đầu vào này có thể bao gồm: giá giao dịch hoặc tỷ lệ chiết khấu của những chứng khoán tương tự hay có liên hệ với những tài sản cần được định giá. Khi những yếu tố đầu vào này không sẵn có, tài sản hoặc các khoản nợ sẽ được định giá ở cấp độ 3. Khi những tài sản hoặc công nợ được phân vào cấp 3, do thị trường thiếu tính thanh khoản và không có các yếu tố đầu vào nên doanh nghiệp sẽ được phép đánh giá chúng theo phương pháp "quy theo mô hình" (mark - to - model approach) chứ không phải quy theo thị trường

* TS., Trường Đại học Thương mại

(mark-to-market). Khi đánh giá tài sản hoặc công nợ theo mô hình này, doanh nghiệp có thể sử dụng những giá định để ước tính một giá trị thị trường hợp lý.

Ứng dụng của kế toán theo giá trị hợp lý

Ứng dụng ban đầu của kế toán theo giá trị hợp lý là cho các công cụ tài chính như các trái phiếu hoặc cổ phiếu, cho các công cụ tài chính phái sinh liên quan đến các hợp đồng kỳ hạn hoặc hoán đổi hay hợp đồng quyền chọn. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhắc đến là trong khi kế toán theo giá trị hợp lý đối với các công cụ tài chính thu hút được rất nhiều sự quan tâm với các chuẩn mực cụ thể cho việc áp dụng, thì kế toán theo giá trị hợp lý lại lừng lẽ lan tỏa và dần trở thành đặc trưng phổ biến của việc trình bày thông tin trên các báo cáo tài chính (IASB, 2008). Ví dụ, đánh giá giá trị tồn thất của lợi thế thương mại (good - will) chủ yếu dựa vào các đánh giá giá trị hợp lý (IAS 36); Kế toán hợp nhất kinh doanh trên cơ sở phương pháp mua cũng dựa vào kế toán theo giá trị hợp lý để xác định và ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất (IASB 2008; IFRS 7; FASB 2008). Một ứng dụng tương tự khi xem xét các chuẩn mực dành cho tài sản thuê tài chính, đối với việc vốn hóa chi phí thuê tài sản trên cơ sở xác định giá trị hợp lý căn cứ vào chiết khấu dòng tiền trong tương lai phát sinh từ việc đi thuê (IASB, 2008)...

Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của kế toán theo giá trị hợp lý

Tiền đề cho việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý trước hết bắt nguồn từ giới nghiên cứu kế toán, dựa trên quan điểm cho rằng thị trường luôn đánh giá tốt nhất giá trị của một tài sản. Trong nghiên cứu gần đây, Milbrun (2008) kết luận trong một thị trường thanh khoản và được tổ chức tốt, giá cả thị trường phản ánh tốt nhất giá trị hợp lý của tài sản hoặc các khoản nợ cho mục tiêu báo cáo tài chính. Giả định về một thị trường thanh khoản hay thị trường hiệu quả (Thị trường hiệu quả (perfect market) hay còn gọi là thị trường hoạt động (active market) là thị trường mà ở đó các giao dịch được thực hiện trên cơ sở ngang giá và có sự tự nguyện của các thành viên tham gia thị trường) là cơ sở cho các nhận định của IASB và FASB về tính thích đáng của giá trị hợp lý trong các báo cáo tài chính. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa thị trường hiệu quả và giá trị hợp lý sẽ bị phá

vỡ khi đo lường giá trị hợp lý của các tài sản hoặc các khoản nợ thuộc cấp 3 mà chúng không dựa trên giá thực hoặc giá thị trường có thể quan sát được. Khi đó, việc sử dụng kế toán theo giá trị hợp lý thường không có cơ sở vững chắc. Milburn (2008) đặt ra cho các nghiên cứu trong tương lai cần đánh giá sử dụng kế toán theo giá trị hợp lý như thế nào khi các điều kiện thanh khoản của thị trường không tồn tại tức là cơ sở ngang giá và tự nguyện của các thành viên tham gia thị trường bị vi phạm.

Dưới góc độ thực nghiệm, các bằng chứng cho thấy giá chứng khoán của một công ty thường gần với giá thị trường của tài sản hoặc của các công cụ tài chính chủ yếu hơn là giá gốc của chúng (gồm giá mua và các chi phí liên quan) (Milburn, 2008). Tính thích đáng của giá trị thị trường được nhìn nhận một cách rõ ràng trong trường hợp đối với các công cụ tài chính phái sinh mà ở đó giá thị trường cao hơn nhiều lần so với giá gốc (Laux và Leuz, 2009). Nói cách khác, giá trị hợp lý, hoặc giá thị trường quy chiếu được cho là thích đáng hơn giá gốc để phản ánh giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các trở ngại liên quan đến áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý

Mặc dù có rất nhiều lợi ích cho các nhà đầu tư, kế toán theo giá trị hợp lý cũng chịu những chỉ trích, phê phán liên quan đến cơ sở của các báo cáo tài chính. Các hạn chế cơ bản của kế toán theo giá trị hợp lý là:

- *Về tính trung thực và có thể kiểm tra được của thông tin kế toán:* do có sự can thiệp mạnh mẽ của các nhà quản lý, đặc biệt là đối với tài sản hoặc các khoản nợ được đánh giá theo mô hình dựa trên cơ sở ước tính ở cấp độ 3 với rất nhiều giả định, điều này làm giảm độ trung thực và khả năng có thể kiểm tra được của thông tin kế toán.

- *Về tính thận trọng và nhất quán của thông tin:* kế toán theo giá trị hợp lý dẫn đến sự không thận trọng vì theo nguyên tắc của kế toán giá gốc, một tài sản sẽ được ghi giảm giá trị (bằng cách lập dự phòng) nếu như có các bằng chứng cho thấy tài sản đó chịu tổn thất lâu dài và các điều kiện kinh tế mong đợi cho thấy công ty không có khả năng thu hồi lại đầy đủ giá trị của nó. Mặt khác, việc ghi giảm giá trị tài sản là dài hạn, tức là tài sản sẽ không được đánh giá tăng (lại) trong tương lai nếu

như điều kiện kinh tế thay đổi vì kế toán giá gốc chỉ cho phép hoàn nhập dự phòng. Tuy nhiên, theo kế toán giá trị hợp lý các khoản lãi/lỗ thực hiện và chưa thực hiện đều được ghi nhận trên các báo cáo tài chính. Mặt khác, các tài sản đã bị đánh giá giảm có thể được đánh giá tăng lại phụ thuộc vào giá thị trường tham chiếu cùng với sự thay đổi của các điều kiện kinh tế trong tương lai.

- *Giá tăng sự bất ổn của lợi nhuận trên báo cáo kết quả và có thể làm sai lệch thông tin trên bảng cân đối kế toán:* cùng với việc thay đổi giá trị các tài sản, kế toán theo giá trị hợp lý còn tạo thêm vấn đề tương ứng với phần nợ trên bảng cân đối kế toán. Vì cả hai phần của bảng cân đối kế toán đều được đánh giá theo giá thị trường, sự giảm giá trị của các khoản đầu tư bên tài sản sẽ được bù trừ bởi sự giảm giá trị của các khoản nợ phải trả được chiết khấu với tỷ lệ lãi suất lớn hơn. Điều này tạo ra một nghịch lý là trái phiếu phát hành của một công ty được thể hiện trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối và khi giá trị các khoản nợ này giảm, về mặt kỹ thuật giá trị vốn góp cổ đông sẽ tăng lên (với điều kiện tổng tài sản không đổi hoặc giảm ít hơn). Như vậy, kế toán theo giá trị hợp lý đã dẫn đến một thực tế là đối diện với rủi ro càng lớn thì doanh nghiệp càng trở nên giàu có, tất nhiên là trên giấy. Nghịch lý này đã được chứng minh thông qua lợi nhuận kế toán năm 2007 của các định chế tài chính với con số 7,5 tỷ USD của Merrill Lynch hay 4 tỷ USD Lehman Brothers theo cách thức của kế toán giá trị hợp lý và những cái tên này ngày hôm nay đã không còn nữa. Do vậy rất nhiều người cho rằng kế toán theo giá trị hợp lý đã cổ vũ cho mức tín dụng tối vì càng vay nhiều (thông qua trái phiếu) thì doanh nghiệp càng có phần thưởng lớn khi thị trường bị sụt giảm. Mặt khác, kế toán theo giá trị hợp lý cũng tạo ra nghịch lý đối với các doanh nghiệp hoặc ngân hàng hoạt động chủ yếu dựa vào vốn chủ sở hữu. Khi đó, nếu thị trường suy giảm thì chắc chắn mức độ tổn thất sẽ cao hơn do không được bù trừ với phần lợi nhuận chưa thực hiện từ sự sụt giảm của các khoản nợ. Trong một thị trường được chứng khoán hóa như Mỹ, với giá chứng khoán thường thoát ly khá xa giá trị thực của tài sản, kế toán theo giá trị hợp lý có thể tạo ra một chu kỳ hai mặt trong báo cáo kết quả bằng cách thêm vào các khoản lãi chưa thực hiện trong lợi nhuận kế toán khi thị trường tăng điểm, vì thế

cũng sẽ tạo ra sự sụt giảm đáng kể trong lợi nhuận khi thị trường giảm điểm một cách mạnh mẽ (Laux và Leuz, 2009). Ở góc độ này kế toán theo giá trị hợp lý góp phần làm tăng sự bất ổn của các chỉ tiêu báo cáo trên bảng cân đối kế toán cũng như báo cáo kết quả kinh doanh.

- *Kế toán theo giá trị hợp lý cũng dẫn đến xem xét lại vai trò của kế toán viên:* với việc nhấn mạnh đến đo lường dựa trên cơ sở thị trường và đo lường theo mô hình, việc áp dụng kế toán giá trị hợp lý cũng ảnh hưởng đến vai trò của kế toán trong quá trình lập báo cáo tài chính. Nếu như các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở giá gốc thường đặt dưới sự kiểm soát của các kế toán viên, thì báo cáo trên cơ sở giá trị hợp lý lại yêu cầu sự đánh giá của các chuyên gia từ các tổ chức chuyên môn như các chuyên gia định giá hoặc chuyên gia tài chính và vô tình biến nhân viên kế toán trở thành trợ lý cho họ. Vấn đề này làm nảy sinh các câu hỏi trong đào tạo và huấn luyện các kế toán viên hiện nay đã đáp ứng các yêu cầu của báo cáo tài chính hiện tại. Thêm nữa, việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý còn yêu cầu các kế toán viên phải có sự hiểu biết tốt hơn về thị trường. Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính với tình trạng mất thanh khoản thì giá cả thường thoát ly giá trị thực của tài sản do sức ép giải chấp từ việc bán tháo tài sản hoặc các khoản nợ của các tổ chức và cá nhân. Khi đó thị trường là do người mua định đoạt và giá cả phụ thuộc vào lượng tiền mặt mà người mua sẵn sàng thanh toán. Cùng với tâm lý hoảng loạn của nhà đầu tư, hành động bán tháo sẽ dẫn đến giá thị trường liên tục giảm. Trong điều kiện như vậy, việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý một cách máy móc sẽ dẫn đến sự đổ vỡ hàng loạt do tình trạng mất thanh khoản của doanh nghiệp đặc biệt là của ngân hàng, mặc dù trên thực tế các ngân hàng này có thể thanh toán được đầy đủ mọi nghĩa vụ nếu họ có thể giữ các chứng khoán hoặc tài sản thế chấp đến đúng kỳ hạn. Do đó, báo cáo những gì, đặc biệt nếu giá định hoạt động liên tục vẫn thỏa mãn. Về vấn đề này xin trích dẫn quan điểm của nhà kinh tế học Mỹ Brian Wesbury "*các nguyên tắc kế toán theo giá trị hợp lý đã khiến một vấn đề lớn trở nên khổng lồ. Phần lớn các khoản nợ cầm cố, trái phiếu*

doanh nghiệp và nợ cơ cấu vẫn còn phát huy được tác dụng ban đầu. Tuy nhiên, vì thị trường đã đóng băng nên giá của các loại tài sản này rơi xuống dưới giá trị thật của chúng".

2. Kế toán giá gốc như là sự lựa chọn thay thế

Trong các tranh luận về kế toán theo giá trị hợp lý, vấn đề quan trọng là cần tính đến các phương pháp kế toán thay thế. Tất nhiên, phương pháp thay thế phụ thuộc vào tài sản cần đánh giá. Một vài ý kiến cho rằng kế toán trên cơ sở giá gốc như là một sự thay thế cho các tài sản bị thanh lý bởi ngân hàng. Tuy nhiên với số đông, kế toán trên cơ sở giá gốc là một phương pháp thay thế cho các khoản nợ, đặc biệt là đối với các khoản nợ có kỳ hạn. Nếu như cơ sở giá thị trường bị phê phán trong thời kỳ khủng hoảng khi giá thuyết thị trường hiệu quả bị vi phạm, thì vấn đề là kế toán sẽ sử dụng giá nào để thay thế? Việc sử dụng giá gốc trong trường hợp này liệu có khắc phục được vấn đề? Trong trường hợp thị trường bị đóng băng, như đã phân tích ở trên, việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý là không thể cung cấp thông tin thích đáng và hiện thực trong nhiều trường hợp. Tuy vậy, kế toán theo giá gốc cũng không cung cấp thông tin một cách thích đáng và tin cậy hơn (Laux và Leuz, 2009). Trước hết, việc giữ các khoản vay trong sổ cái với giá trị ban đầu của chúng thì cũng giống như việc phớt lờ thực tế. Thêm vào đó, kể cả trong trường hợp đối với các tài sản có kỳ hạn, nhà đầu tư vẫn có thể quan tâm tới giá thị trường, nhằm đánh giá các quyết định trong quá khứ trong tương quan với các điều kiện của thị trường hiện tại. Về vấn đề này, các nhóm cổ đông còn đi xa hơn khi quả quyết rằng kế toán theo giá trị hợp lý càng trở nên cần thiết trong môi trường ngày nay. Nhóm tư vấn đầu tư của FASB còn cho rằng các thông tin về giá trị hợp lý có ý nghĩa cực kỳ quan trọng với những nhà cung cấp vốn và những ai sử dụng các báo cáo tài chính trong giai đoạn thị trường bấp bênh và kèm theo đó là tình trạng khủng hoảng thanh khoản. Theo quan điểm này, nếu các ngân hàng không phản ánh trái phiếu của họ theo thị trường, các nhà đầu tư sẽ cảm thấy không chắc chắn về giá trị tài sản và do đó, ngại ngân hỗ trợ tái cấu trúc vốn cho các định chế đang gặp khó khăn.

Các vấn đề thảo luận

Các tranh luận đã cho thấy thông tin của kế toán ngày càng trở nên quan trọng, có liên quan tới lợi ích của nhiều bên. Thông tin kế toán trong một chừng mực nhất định là thông tin không trung lập vì nó phụ thuộc vào bối cảnh nền kinh tế và không thoát ly khỏi thị trường. Điều này càng củng cố cho nhận định giá cả là cơ sở của kế toán, tuy nhiên phương pháp đo lường của kế toán lại ảnh hưởng trở lại đến giá cả, nhất là trong điều kiện của khủng hoảng tài chính. Từ các tranh luận nêu trên nổi lên hai vấn đề về việc sử dụng thông tin dựa vào kế toán theo giá trị hợp lý:

Thứ nhất, thông tin của kế toán theo giá trị hợp lý thường không ổn định ở mức cao và rất nhạy cảm với giá thị trường, vì thế nó có thể làm sai lệch nhận thức của các nhà đầu tư trong giai đoạn thị trường bùng nổ hoặc rơi vào khủng hoảng. Một công ty có thể đảm bảo khả năng thanh toán ngày hôm nay, nhưng có thể bị mất thanh toán trong ngày hôm sau hoặc sau nữa nếu thị trường giao động với biên độ lớn. Với chức năng cung cấp thông tin, các báo cáo tài chính dựa trên kế toán theo giá trị hợp lý là cần thiết tuy nhiên lại là chưa đủ. Một sự đo lường và định lượng rủi ro cần phải được trình bày rõ ràng trong phần thuyết minh để có thể giúp cho các bên liên quan ra quyết định một cách đúng đắn.

Thứ hai, thông tin của kế toán theo giá trị hợp lý thường không thích hợp cho mục đích dài hạn vì nó không ổn định và rất khó kiểm chứng. Việc phụ thuộc vào thông tin của kế toán giá trị hợp lý có thể đưa đến hai vấn đề trái ngược nhau khi đề cập đến độ dài và mức độ của khủng hoảng tài chính hiện tại. Một mặt, các can thiệp vào kế toán giá trị hợp lý (khi định giá các tài sản hoặc nợ được phân vào cấp 3) có thể cho phép các nhà quản lý tạm thời trì hoãn việc tính đến các khoản nợ xấu mất thanh khoản. Thêm nữa, sự nhạy cảm đối với giá cả thị trường có thể sẽ gia tăng áp lực đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong thời kỳ bùng nổ vì khi đó vốn được điều chỉnh tăng, các nhà quản trị sẽ chịu áp lực về việc giữ nguyên tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Mặt khác, một khi giá trị thực của các tài sản bắt đầu bị đánh giá giảm, kế toán theo giá trị hợp lý sẽ dẫn tới sự chệch hướng của bảng cân đối kế toán và việc đánh

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

giá lại giá trị tài sản, vốn theo giá thị trường liên tục giảm có thể làm gia tăng khủng hoảng tài chính, cũng như làm trầm trọng thêm tình trạng suy thoái.

Tuy nhiên, kế toán giá gốc cũng không thể giải quyết được các vấn đề mà kế toán theo giá trị hợp lý đặt ra.

Theo chúng tôi, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở của kế toán theo giá trị hợp lý là cần thiết, điều chủ yếu là người sử dụng thông tin kế toán không được bỏ qua các giải thích minh bạch cũng như không tách rời thông tin với bối cảnh cụ thể của thị trường để ra quyết định kinh tế cho phù hợp với lợi ích của họ.

3. Kế toán theo giá trị hợp lý ở Việt Nam

Thực tế, kế toán theo giá trị hợp lý chưa được thừa nhận chính thức ở Việt Nam, mặc dù ở góc độ kế toán mua - bán, sáp nhập doanh nghiệp có sử dụng cơ sở giá trị hợp lý, song giá trị hợp lý trong các trường hợp này chỉ được sử dụng để xác định lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất chứ không nhằm mục đích lập báo cáo tài chính như đối với ứng dụng của kế toán giá trị hợp lý theo chuẩn mực kế toán quốc tế đã trình bày ở trên.

Tuy nhiên một số doanh nghiệp niêm yết và đặc biệt là khối ngân hàng thương mại ở Việt Nam đã mạnh mẽ áp dụng phương pháp định giá trên cơ sở giá thị trường cho năm tài chính 2008, cho dù còn có nhiều tranh cãi và không thống nhất

giữa doanh nghiệp với kiểm toán độc lập. Các tranh cãi chủ yếu là cơ sở xác định mức dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trên cơ sở các bằng chứng tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau, có thể tổng kết các trường hợp điển hình ở bảng dưới đây.

Bảng 1: Bảng tổng kết các trường hợp điển hình sử dụng kế toán theo giá trị hợp lý

Tên công ty	Phương pháp kế toán áp dụng	Phương pháp do kiểm toán viên đề nghị	Chênh lệch so với kết quả kiểm toán
1. Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Dự phòng trên cơ sở chiết khấu dòng cổ tức thu được trong tương lai để so với giá trị sổ sách.	So sánh giá thị trường với giá trị sổ sách tại thời điểm lập báo cáo (PwC)	Lợi nhuận bị điều chỉnh giảm 133 tỷ đồng theo phương pháp định giá của kiểm toán viên độc lập.
2. Công ty cổ phần Kinh Đô	Không trích lập dự phòng đối với các chứng khoán đầu tư chưa được niêm yết, vì không có giá tham chiếu.	Trích lập dựa trên giá thị trường tham chiếu của chứng khoán tương đương (E&Y)	Lợi nhuận trước kiểm toán là 142,3 tỷ đồng và sau kiểm toán là lỗ 67,7 tỷ đồng, chênh lệch 203 tỷ đồng.
3. Công ty cổ phần Thủy sản Minh Phú	Không trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có tính thanh khoản vì chưa được niêm yết	Trích lập dự phòng trên cơ sở giá thị trường tham chiếu của chứng khoán tương đương (KPMG)	Lợi nhuận giảm 43 tỷ đồng sau kiểm toán dẫn đến lỗ 31,8 tỷ đồng và bị đưa vào diện kiểm soát bởi Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (Hose). Chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán là 1.044%.

(Nguồn: <http://tinnhanhchungkhoan.vn>)

Như vậy, việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý ở Việt Nam là một hiện thực. Thời gian gần đây, để giải quyết các tranh cãi giữa doanh nghiệp với kiểm toán viên độc lập cho báo cáo tài chính năm 2009, Bộ Tài Chính đã ra Thông tư 210/2009/TT - BTC, ngày 6/11/2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về công cụ tài chính tại Việt Nam và Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009, hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Thông tư 210/2009/TT - BTC đã khẳng định việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý sẽ gồm cả tài sản và nợ tài chính. Đây là điểm mới vì theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chỉ có tài sản mới định giá theo giá thị trường. Tuy nhiên, Thông tư 210/2009 và Thông tư 228/2009

cũng chưa phân định rõ cách tính giá trị hợp lý của các công cụ tài chính, chỉ giới thiệu các phương pháp thẩm định giá. Theo ý kiến của chúng tôi các công cụ tài chính ở Việt Nam hiện giống như đối với các tài sản hoặc khoản nợ được phân vào cấp 1 hoặc cấp 2 theo các tiêu chuẩn của IAS 39. Do vậy, trong thông tư cũng thiếu hẳn một phần liên quan đến xác định giá trị hợp lý của các loại tài sản thiếu tính thanh khoản, thậm chí không có giao dịch. Mặt khác theo quy định của Thông tư 228/2009/TT - BTC thì trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán các doanh nghiệp sẽ không được trích lập dự phòng giảm giá. Đây thực sự là một trở ngại đối với các nhà quản lý, nhân viên kế toán của doanh nghiệp trong quá trình lập báo cáo tài chính năm 2009 cũng như thách thức đối với các kiểm toán viên độc lập. Hơn nữa, điều này còn mâu thuẫn với kế toán theo giá trị hợp lý của các chuẩn mực kế toán quốc tế. Vì thế câu chuyện về kế toán theo giá trị hợp lý có lẽ mới chỉ bắt đầu ở Việt Nam.

Kết luận:

Bài viết trình bày một cách khái quát về kế toán theo giá trị hợp lý và một số kết luận ban đầu cho việc vận dụng phương pháp kế toán này trong trình bày báo cáo tài chính. Các phân tích đã làm rõ vai trò quan trọng của thông tin kế toán không chỉ đối với các nhà đầu tư mà còn đối với lợi ích của nhiều bên trong đó lớn hơn cả là sự phồn vinh của xã hội và cộng đồng. Những cân nhắc của các Ủy ban soạn thảo chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) cũng như Ủy ban soạn thảo chuẩn mực kế toán tài chính Mỹ (FASB) hay của Ủy ban Châu Âu (EC) và Ủy ban chứng khoán Mỹ (SEC) là có cơ sở, vì khi giả thuyết về một thị trường hiệu quả bị vi phạm thì kế toán theo giá trị hợp lý có thể gây cho người sử dụng báo cáo tài chính những lầm lẫn trong đánh giá giá trị thực của một doanh nghiệp và điều này có thể dẫn đến hàng loạt đổ vỡ khi giá thị trường cùng với các lợi ích ngắn hạn được ưu tiên và làm lu mờ giá trị nội tại cũng như các lợi ích dài hạn. Trong khi sự thích đáng của thông tin kế toán theo giá trị hợp lý đối với các nhà đầu tư đã rõ ràng thì các lợi ích cũng như những mặt trái của kế toán theo giá trị

hợp lý cần phải được tiếp tục xem xét. Khủng hoảng tài chính là thử thách đầu tiên và lớn nhất cho kế toán theo giá trị hợp lý và chính khủng hoảng cũng sẽ đặt tiền đề cho các nghiên cứu thực nghiệm về kế toán theo giá trị hợp lý trong những năm tới, điều đó cho phép giới nghiên cứu và các nhà thực hành kế toán đánh giá tốt hơn những mặt được và chưa được của kế toán theo giá trị hợp lý. Đối với Việt Nam, việc cần thực hiện là sự phối hợp của các cơ quan chức năng như Bộ Tài chính, Hội Kế toán (VAA) và Hội Kiểm toán viên hành nghề (VACPA) để sớm ban hành một chuẩn mực kế toán Việt Nam về công cụ tài chính cũng như cần có những quy định cụ thể hơn nữa cho việc áp dụng kế toán theo giá trị hợp lý để tránh những bất đồng giữa doanh nghiệp với kiểm toán độc lập như trong thời gian qua cũng như đảm bảo sự hòa hợp của chuẩn mực kế toán Việt Nam với chuẩn mực của quốc tế. Mục tiêu của việc áp dụng các phương pháp kế toán khác nhau xét cho cùng là nhằm tăng độ minh bạch và hữu ích của thông tin kế toán. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Thông tư 210/2009/TT - BTC (06/11/2009), *Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.*
2. Thông tư 228/2009/TT - BTC (07/12/2009), *Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành.*
3. Laux, C. and Leuz, C., 2009, *The crisis of fair-value accounting: Making sense of the recent debate. Accounting, Organizations and Society*, 34, 826 - 834.
4. Milburn, J.A., 2008, *The Relationship between Fair Value, Market Value, and Efficient Markets. Accounting Perspectives*, 7(4), 293-316.
5. IFRS 7 - Financial Instruments: Disclosures; IAS 39 - *Financial Instruments: Recognition and Measurement.* International Financial Reporting Standards (IFRSs) 2008. International Accounting

Standards Board (IASB, 2008), London EC4M 6XH, UK.

6. Financial Accounting Standards Board (FASB), 2008, *Financial Accounting Standard 157 - Fair Value Measurements*. Norwalk, CT.

7. Một số website: <http://kiemtoan.com.vn>; <http://www.vnn.vn>; ...

Summary

The recent financial crisis has led to various arguments for and against fair-value accounting. These arguments focus on the possibility of applying this accounting method, at the same time challenge the accounting standard editors on extending the application scale of fair-value accounting. The financial crisis is the first, and also the biggest, challenge for fair-value accounting; it also

lays the foundation for experimental research on fair-accounting in the coming years, helping researchers and accountants better their understanding on the pros and cons of this method. The paper generalizes fair-value accounting and makes some initial conclusion on applying this method in a financial report, from which recommends the necessity of a cooperation among competent agencies such as Ministry of Finance, Vietnam Accounting Association and Vietnam Association of Certified Public Accountants in issuing a Vietnam accounting standard on financial tools as well as the necessity of a more concrete regulation on applying fair-value accounting method in order to avoid disagreements between enterprises and independent auditors and ensure the obedience of Vietnam accounting standard to the international standard.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 46)

định vị thế quan trọng của mình đối với sự phát triển chung của thị trường chứng khoán. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế về lĩnh vực ngân hàng - bảo hiểm - chứng khoán ngày càng sâu rộng, nếu các công ty quản lý quỹ không phát huy được khả năng, tăng cường năng lực cạnh tranh thì việc các công ty quản lý quỹ Việt Nam mất dần thị phần, bị thôn tóm, sáp nhập bởi các công ty quản lý quỹ nước ngoài sẽ là điều không thể tránh khỏi. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Chứng khoán (2006), Nghị định 14/2007/NĐ-CP, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC, Quyết định 35/2007/QĐ-BTC.

2. Báo cáo thường niên của UBCKNN các năm 2006, 2007, 2008.

3. Trích lục báo cáo tình hình hoạt động của các quỹ đầu tư và công ty quản lý quỹ đầu tư năm 2007, 2008, 2009.

4. Lê Thị Lan Hương, *Phát triển hoạt động của công ty chứng khoán ở Việt Nam*, LATS, 2007.

3. Tạp chí Chứng khoán các năm 2007, 2008 và 2009.

4. <http://www.ssi.com.vn>; <http://www.fpts.com.vn>; <http://www.chungkhoanviet>

Summary

Vietnam's stock market has gone through 9 years of establishment and development with its success partly owing to the contribution of domestic and foreign fund management companies. As an intermediate financial institution in charge of supplying investment organizing and managing services for small and unprofessional investors via investment funds and investment portfolio, fund management companies have made important contribution to enhancing the effectiveness of stock investment, increasing the liquidity of the market, through which fostering the healthy growth of Vietnam's stock market. However, reality has shown that the operations of these companies are somehow inadequate, thus failing to bring into full play their capacity and roles. The article analyses the situation and recommends some solutions to raising the operational capacity of fund management companies in Vietnam in the coming time.